TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số: 73/2024/HNGĐ- ST Ngày: 29 - 5 -2024 *"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M Nguyệt.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang và bà Nguyễn Thị Tạc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên Tòa: Ông Lê Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 939/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57 /QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Tuyết M - Sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H - Sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết M trình bày có nội dung:

Bà Phan Thị Tuyết M và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mặc dù đã cố gắng nhưng không khắc phục được. Nên bà M đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông Phan Văn H.

Về con chung: Bà M bà ông H có 02 con chung: Phạm Thị Gia H1 – Sinh ngày 30/12/2003 và cháu Phạm Thị H2 – Sinh ngày 11/7/2008. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị H2 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, hiện nay bà làm nông, có nhà ở ổn định đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

-*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết M. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Tuyết M và ông Phạm Văn H.

Về con chung: Bà M bà ông H có 02 con chung: Phạm Thị Gia H1 – Sinh ngày 30/12/2003 và cháu Phạm Thị H2 – Sinh ngày 11/7/2008. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

Giao con chung là cháu Phạm Thị H2 – Sinh ngày 11/7/2008 cho bà Phan Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phan Thị Tuyết M tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn là ông Phạm Văn H cư trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ chung sống: Bà Phan Thị Tuyết M và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó, bà Phan Thị Tuyết M có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Phạm Văn H là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Phan Thị Tuyết M và ông Phạm Văn H có 02 con chung: Phạm Thị Gia H1 – Sinh ngày 30/12/2003 và cháu Phạm Thị H2 – Sinh ngày 11/7/2008. Hiện nay cháu Phạm Thị Gia Hân đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Phạm Thị H2 – Sinh ngày 11/7/2008 hiện nay đang do bà M trực tiếp nuôi dương và bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 là phù hợp quy định tại Điều 15, Điều 68; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M hiện làm nông và có nhà ở ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện cần chấp nhận

[5]Về án phí: Bà Phan Thị Tuyết M tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15; Điều 68; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết M;

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Tuyết M và ông Phạm Văn H.

- Về con chung: Bà Phan Thị Tuyết M và ông Phạm Văn H có 02 con chung: Phạm Thị Gia H1 – Sinh ngày 30/12/2003 và cháu Phạm Thị H2 – Sinh ngày

11/7/2008. Hiện nay cháu Phạm Thị Gia H1 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung Phạm Thị H2, sinh ngày 11/7/2008 cho bà Phan Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Phạm Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị Tuyết M không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Bà Phan Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Huệ đã nộp thay bà M theo biên lai thu số AA/2023/0004239 ngày 03 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. BMT
- Các đương sự;
- Lưu HS,
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị M Nguyệt